TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN TP **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BT

Bản án số: …./2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 23-8-2023.
V/v: *Tranh chấp ly hôn và con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP
TỈNH BT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Huyền**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Minh**

2. Bà **Nguyễn Hoàng Bích Loan**

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Bích Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17-7-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 03-8-2023, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: **Văn Thị Bích T1**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: khu phố 2, TT LH, huyện TP, BT.

- Bị đơn: **Ngô Anh Bảo**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: khu phố 2, TT LH, TP, BT.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ly hôn, nguyên đơn Văn Thị Bích T1 trình bày: bà T1 và ông B1tìm hiểu nhau một thời gian, tự nguyện sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LH vào ngày 21 tháng 12 năm 2011. Trong suốt thời kỳ hôn nhân, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm do ông B1lười biếng, không lao động để tạo thu nhập phụ giúp kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Bà T1 từng đề nghị ly hôn, ông B1hứa thay đổi nhưng

không thực hiện được. Do hôn nhân không có hạnh phúc nên bà T1 đề nghị ly hôn với ông Bảo. Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Ngô B1Huy, sinh ngày 03-11-2011 và Ngô Anh Trí, sinh ngày 05-10-2017 đang do bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng nên bà T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông B1phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, bà T1 không yêu cầu giải quyết.

2. Đối với bị đơn- ông Ngô Anh Bảo, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông B1từ chối không đến Tòa án để giải quyết nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao 02 (hai) con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, ông B1không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Văn Thị Bích T1 có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa bà với ông Ngô Anh Bảo- có nơi thường trú tại thôn Hà Thủy 1,xã Chí Công, huyện TP, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu ông B1đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng ông B1không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn Văn Thị Bích T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Ngô Anh B1đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Văn Thị Bích T1 và ông Ngô Anh B1tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện TP theo Giấy chứng nhận kết hôn số 270/2011, ngày 27-10-2011 nên hôn nhân giữa bà T1 vói ông B1là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông B1đến giải quyết nhưng ông B1không chấp hành, điều

này chứng tỏ ông B1không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình. Hơn nữa, thực tế bà T1 và ông B1đã không còn chung sống với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T1 và ông B1không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1.

[3] Về con chung: 02 (hai) con chung tên Ngô B1Huy, sinh ngày 03-11-2011 và Ngô Anh Trí, sinh ngày 05-10-2017, đang do bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, các con đều có mong muốn được ở với mẹ. Ông B1không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử sẽ giao hai con chung cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T1 không có yêu cầu ông B1phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông Bảo.

[4] Tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Văn Thị Bích T1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a, Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Văn Thị Bích T1 đối với ông Ngô Anh Bảo. Giấy chứng nhận kết hôn số 270/2011, ngày 27-10-2011 của Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện TP, BT hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung Ngô B1Huy, sinh ngày 03-11-2011 và Ngô Anh Trí, sinh ngày 05-10-2017 cho bà Văn Thị Bích T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Ngô Anh B1không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Văn Thị Bích T1 không yêu cầu. Ông Ngô Anh B1được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về án phí: bà Văn Thị Bích T1 phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017023 ngày 10-5-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP.

4. Quyền kháng cáo: bà Văn Thị Bích T1 và ông Ngô Anh B1có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

***Nơi nhận*:**
-VKSND BT;
-VKSND TP;
-THADS huyện TP;
-Nguyên đơn;bị đơn;
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Huyền